

\*\*\*

Số: 15-QĐ/ĐTN

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc khen thưởng năm học 2021 - 2022**  
-----

**BAN CHẤP HÀNH ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG**

*Căn cứ vào Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn;*

*Căn cứ Quyết định số 281/QĐ-ĐTN ngày 01/6/2006 của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn Tiền Giang về việc thành lập tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Đại học Tiền Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 378-QĐ/TĐTN-TCKT ngày 31/5/2022 của Ban Chấp hành Đoàn tỉnh Tiền Giang về việc công nhận Ủy viên Ban Chấp hành Đoàn Trường Đại học Tiền Giang, nhiệm kỳ 2022 - 2027;*

*Xét đề nghị của Văn phòng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Đại học Tiền Giang;*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Tặng Giấy khen của Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Đại học Tiền Giang cho **23** tập thể và **113** cá nhân đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2021 - 2022 (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Văn phòng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Đại học Tiền Giang, các tập thể và cá nhân có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Lưu VP.

**TM. BAN CHẤP HÀNH**  
**BÍ THƯ**  
  
**Nguyễn Minh Quân**

**DANH SÁCH**  
**Khen thưởng năm học 2021 - 2022**  
*(kèm theo Quyết định số 15-QĐ/ĐTN ngày 19/9/2022)*

**I. TẬP THỂ:**

| STT | CHI ĐOÀN                        | KHOA           |
|-----|---------------------------------|----------------|
| 1   | ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC 20    | SP&KHCB        |
| 2   | ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGŨ VĂN 21      | SP&KHCB        |
| 3   | ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TOÁN HỌC 20     | SP&KHCB        |
| 4   | ĐẠI HỌC VĂN HỌC 19              | SP&KHCB        |
| 5   | ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SINH HỌC 21   | NN&CNTP        |
| 6   | ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM 21B | NN&CNTP        |
| 7   | ĐẠI HỌC CHĂN NUÔI 20            | NN&CNTP        |
| 8   | ĐẠI HỌC CHĂN NUÔI 21            | NN&CNTP        |
| 9   | ĐẠI HỌC NUÔI TRỒNG THỦY SẢN 20  | NN&CNTP        |
| 10  | ĐẠI HỌC CNKT CƠ ĐIỆN TỬ 20      | KTCN           |
| 11  | ĐẠI HỌC CNKT CƠ ĐIỆN TỬ 21      | KTCN           |
| 12  | ĐẠI HỌC CNKT XÂY DỰNG 21        | KTCN           |
| 13  | ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN 20B | KTCN           |
| 14  | ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN 21A | KTCN           |
| 15  | ĐẠI HỌC DU LỊCH 20              | KINH TẾ - LUẬT |
| 16  | ĐẠI HỌC KẾ TOÁN 20A             | KINH TẾ - LUẬT |
| 17  | ĐẠI HỌC KẾ TOÁN 20B             | KINH TẾ - LUẬT |
| 18  | ĐẠI HỌC LUẬT 19A                | KINH TẾ - LUẬT |
| 19  | ĐẠI HỌC LUẬT 19B                | KINH TẾ - LUẬT |
| 20  | ĐẠI HỌC LUẬT 20A                | KINH TẾ - LUẬT |
| 21  | ĐẠI HỌC LUẬT 21                 | KINH TẾ - LUẬT |

| STT | CHI ĐOÀN                        | KHOA           |
|-----|---------------------------------|----------------|
| 22  | ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ KINH DOANH 19C | KINH TẾ - LUẬT |
| 23  | ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ KINH DOANH 21A | KINH TẾ - LUẬT |

## II. CÁ NHÂN

| STT | HỌ TÊN                | CHI ĐOÀN                      | MSSV      |
|-----|-----------------------|-------------------------------|-----------|
| 1   | Nguyễn Lê Phương Anh  | Đại học Văn học 19            | 019144009 |
| 2   | Nguyễn Tấn Tuấn       | Đại học Văn hoá học 20        | 020151002 |
| 3   | Phạm Tấn Lộc          | Đại học Văn hoá học 21        | 021151016 |
| 4   | Huỳnh Thị Kim Ngọc    | Cao đẳng Giáo dục mầm non 19A | 119319029 |
| 5   | Nguyễn Thị Ngọc Ân    | Cao đẳng Giáo dục mầm non 19C | 119319139 |
| 6   | Trương Thị Kim Ngân   | Cao đẳng Giáo dục mầm non 19C | 119319144 |
| 7   | Đặng Minh Tâm         | Đại học Sư phạm Toán học 20   | 120121007 |
| 8   | Huỳnh Ngọc Bảo Ân     | Đại học Sư phạm Toán học 20   | 120121011 |
| 9   | Nguyễn Thụy Cẩm Tâm   | Đại học Sư phạm Toán học 20   | 120121028 |
| 10  | Huỳnh Ngọc Ngân       | Đại học Sư phạm Ngữ văn 20    | 120122015 |
| 11  | Nguyễn Quang Huy      | Đại học Sư phạm Ngữ văn 20    | 120122036 |
| 12  | Dương Thị Hoàng Oanh  | Đại học Giáo dục tiểu học 20  | 120125008 |
| 13  | Nguyễn Thị Tuyết Linh | Đại học Giáo dục tiểu học 20  | 120125012 |
| 14  | Trần Dương Gia Đạt    | Đại học Giáo dục tiểu học 20  | 120125048 |
| 15  | Lê Thị Thu Dung       | Cao đẳng Giáo dục mầm non 20A | 120319001 |
| 16  | Lê Thị Ngọc Ngân      | Cao đẳng Giáo dục mầm non 20A | 120319007 |
| 17  | Võ Thị Bạch Huệ       | Cao đẳng Giáo dục mầm non 20B | 120319052 |
| 18  | Trần Thanh Trúc       | Cao đẳng Giáo dục mầm non 20B | 120319079 |
| 19  | Hồ Thị Kim Trúc       | Cao đẳng Giáo dục mầm non 20B | 120319085 |
| 20  | Ngô Thị Kim Thảo      | Cao đẳng Giáo dục mầm non 20C | 120319114 |
| 21  | Phan Thị Thanh Nhung  | Đại học Sư phạm Toán học 21   | 121121014 |

| STT | HỌ TÊN                  | CHI ĐOÀN                        | MSSV      |
|-----|-------------------------|---------------------------------|-----------|
| 22  | Chế Thanh Huy           | Đại học Sư phạm Toán học 21     | 121121084 |
| 23  | Võ Hồ Đắc Minh          | Đại học Sư phạm Ngữ văn 21      | 121122004 |
| 24  | Hồ Kiều Oanh            | Đại học Sư phạm Ngữ văn 21      | 121122043 |
| 25  | Trần Thị Ngọc Dung      | Đại học Giáo dục tiểu học 21A   | 121125001 |
| 26  | Châu Thị Kim Huyền      | Đại học Giáo dục tiểu học 21A   | 121125035 |
| 27  | Lưu Dạ Thảo             | Đại học Giáo dục tiểu học 21B   | 121125097 |
| 28  | Nguyễn Thị Huyền Trân   | Đại học Giáo dục tiểu học 21B   | 121125121 |
| 29  | Hồ Ngọc Như             | Đại học Giáo dục tiểu học 21B   | 121125139 |
| 30  | Nguyễn Kim Yên          | Cao đẳng Giáo dục mầm non 21A   | 121319007 |
| 31  | Trần Nguyễn Hồng Khuyên | Cao đẳng Giáo dục mầm non 21B   | 121319054 |
| 32  | Võ Trần Diễm Châu       | Đại học Công nghệ thực phẩm 20A | 020103007 |
| 33  | Dương Hoàng Quế Phương  | Đại học Công nghệ thực phẩm 20A | 020103015 |
| 34  | Vũ Trần Mộng Quỳnh      | Đại học Công nghệ thực phẩm 20A | 020103022 |
| 35  | Nguyễn Huỳnh Như Ý      | Đại học Bảo vệ thực vật 20      | 020123009 |
| 36  | Trương Hùng Phát        | Đại học Bảo vệ thực vật 20      | 020123011 |
| 37  | Võ Thị Minh Vàng        | Đại học Bảo vệ thực vật 20      | 020123015 |
| 38  | Cao Thị Kim Ngân        | Đại học Bảo vệ thực vật 20      | 020123019 |
| 39  | Nguyễn Thị Ngọc Trâm    | Đại học Nuôi trồng thủy sản 20  | 020124001 |
| 40  | Huỳnh Thị Cẩm Tiên      | Đại học Nuôi trồng thủy sản 20  | 020124002 |
| 41  | Lê Thị Phương Ngân      | Đại học Nuôi trồng thủy sản 20  | 020124012 |
| 42  | Huỳnh Nhật Nam          | Đại học Nuôi trồng thủy sản 20  | 020124019 |
| 43  | Nguyễn Ngân Bình        | Đại học Chăn nuôi 20            | 020153009 |
| 44  | Lê Minh Kim Thoa        | Đại học Chăn nuôi 20            | 020153013 |
| 45  | Nguyễn Nhật Nam         | Đại học Công nghệ thực phẩm 21B | 021103064 |

| STT | HỌ TÊN               | CHI ĐOÀN                        | MSSV      |
|-----|----------------------|---------------------------------|-----------|
| 46  | Ngô Nguyễn Tuấn Kiệt | Đại học Công nghệ thực phẩm 21B | 021103071 |
| 47  | Võ Ngọc Quế Trân     | Đại học Công nghệ thực phẩm 21B | 021103072 |
| 48  | Nguyễn Văn Hữu       | Đại học Bảo vệ thực vật 21      | 021123004 |
| 49  | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Đại học Nuôi trồng thủy sản 21  | 021124006 |
| 50  | Nguyễn Hùng Triệu    | Đại học Công nghệ sinh học 21   | 021142003 |
| 51  | Đỗ Thị Thủy Tiên     | Đại học Công nghệ sinh học 21   | 021142004 |
| 52  | Nguyễn Huỳnh Sơn Nhi | Đại học Công nghệ sinh học 21   | 021142008 |
| 53  | Dương Thị Quế Trân   | Đại học Chăn nuôi 21            | 021153001 |
| 54  | Dương Thành Được     | Đại học Chăn nuôi 21            | 021153002 |
| 55  | Nguyễn Anh Hào       | Đại học Chăn nuôi 21            | 021153015 |
| 56  | Trần Thanh Thúy Hằng | Đại học Kế toán 19C             | 019102108 |
| 57  | Bạch Thủy Tiên       | Đại học Kế toán 19C             | 019102118 |
| 58  | Lê Thị Quế Trân      | Đại học Kế toán 19C             | 019102130 |
| 59  | Lê Thành Hiếu        | Đại học Kế toán 19C             | 019102146 |
| 60  | Đặng Thị Quyền Trang | Đại học Kế toán 19C             | 019102147 |
| 61  | Võ Hoàng Lộc         | Đại học Du lịch 19A             | 019152018 |
| 62  | Nguyễn Thị Minh Nhật | Đại học Luật 19A                | 019154005 |
| 63  | Phạm Kim Ngân        | Đại học Luật 19A                | 019154006 |
| 64  | Phan Thị Tiên Nhi    | Đại học Luật 19B                | 019154119 |
| 65  | Nguyễn Ngọc Hân      | Đại học Kế toán 20A             | 020102010 |
| 66  | Đoàn Thị Bé Thu      | Đại học Kế toán 20A             | 020102011 |
| 67  | Huỳnh Thị Hằng Ni    | Đại học Kế toán 20A             | 020102033 |
| 68  | Trần Đặng Thanh Tâm  | Đại học Quản trị kinh doanh 20A | 020115013 |
| 69  | Phạm Thạch Bảo Khanh | Đại học Quản trị kinh doanh 20A | 020115018 |

| STT | HỌ TÊN               | CHI ĐOÀN                         | MSSV      |
|-----|----------------------|----------------------------------|-----------|
| 70  | Lê Trường Giang      | Đại học Quản trị kinh doanh 20A  | 020115041 |
| 71  | Phạm Đoàn Bách Đăng  | Đại học Quản trị kinh doanh 20C  | 020115111 |
| 72  | Nguyễn Hữu Toàn      | Đại học Tài chính - Ngân hàng 20 | 020148016 |
| 73  | Nguyễn Minh Khoa     | Đại học Kinh tế 20               | 020150001 |
| 74  | Nguyễn Duy Tân       | Đại học Luật 20A                 | 020154024 |
| 75  | Trần Mỹ Phụng        | Đại học Luật 20A                 | 020154026 |
| 76  | Lê Nguyễn Cẩm Tú     | Đại học Luật 20A                 | 020154035 |
| 77  | Nguyễn Việt Thành    | Đại học Luật 20A                 | 020154037 |
| 78  | Lê Thị Như Ý         | Đại học Luật 20A                 | 020154039 |
| 79  | Huỳnh Nhật Minh      | Đại học Luật 20A                 | 020154050 |
| 80  | Trương Thanh Giào    | Đại học Quản trị kinh doanh 21A  | 021115035 |
| 81  | Lê Thị Ngọc Trâm     | Đại học Kinh tế 21               | 021150066 |
| 82  | Nguyễn Thị Kim Cương | Đại học Du lịch 21               | 021152010 |
| 83  | Nguyễn Hà Phi        | Đại học Luật 21                  | 021154005 |
| 84  | Nguyễn Thị Mỹ Tiên   | Đại học Luật 21                  | 021154048 |
| 85  | Nguyễn Lâm Vũ        | Đại học Luật 21                  | 021154054 |
| 86  | Lê Thành Quốc        | Đại học Công nghệ thông tin 19A  | 019101012 |
| 87  | Lê Thành Được        | Đại học Công nghệ thông tin 19B  | 019101081 |
| 88  | Đỗ Tiêu Bo           | Đại học CNKT Cơ khí 19           | 019137016 |
| 89  | Nguyễn Trường Duy    | Đại học CNKT Cơ khí 19           | 019137054 |
| 90  | Trà Vinh             | Đại học CNKT Cơ điện tử 19       | 019146029 |
| 91  | Võ Hoàng Mai         | Đại học Công nghệ thông tin 20B  | 020101072 |
| 92  | Trần Phan Thanh Trúc | Đại học Công nghệ thông tin 20B  | 020101083 |
| 93  | Thái Thành Trung     | Đại học Công nghệ thông tin 20B  | 020101090 |

| STT | HỌ TÊN              | CHI ĐOÀN                        | MSSV      |
|-----|---------------------|---------------------------------|-----------|
| 94  | Phan Văn Nhân       | Đại học Công nghệ thông tin 20B | 020101093 |
| 95  | Nguyễn Thúy Hằng    | Đại học Công nghệ thông tin 20B | 020101119 |
| 96  | Nguyễn Tấn An       | Đại học CNKT Cơ khí 20          | 020137007 |
| 97  | Đoàn Văn Lộc        | Đại học CNKT Cơ điện tử 20      | 020146003 |
| 98  | Nguyễn Ngọc Giàu    | Đại học CNKT Cơ điện tử 20      | 020146004 |
| 99  | Nguyễn Văn Vũ Tuy   | Đại học CNKT Cơ điện tử 20      | 020146011 |
| 100 | Đoàn Hữu Trung      | Đại học CNKT Cơ điện tử 20      | 020146031 |
| 101 | Nguyễn Đoàn Hữu Huy | Đại học Công nghệ thông tin 21A | 021101008 |
| 102 | Trương Thị Mỹ Duyên | Đại học Công nghệ thông tin 21A | 021101017 |
| 103 | Võ Văn Quý          | Đại học Công nghệ thông tin 21A | 021101026 |
| 104 | Đặng Minh Đức       | Đại học CNKT Xây dựng 21        | 021109005 |
| 105 | Dương Quốc Thái     | Đại học CNKT Xây dựng 21        | 021109008 |
| 106 | Nguyễn Minh Tường   | Đại học CNKT Xây dựng 21        | 021109011 |
| 107 | Võ Trung Nguyên     | Đại học CNKT Xây dựng 21        | 021109020 |
| 108 | Mai Hiếu Nghĩa      | Đại học CNKT Cơ khí 21          | 021137001 |
| 109 | Nguyễn Minh Khôi    | Đại học CNKT Cơ khí 21          | 021137054 |
| 110 | Lê Đặng Đình Khang  | Đại học CNKT Cơ điện tử 21      | 021146001 |
| 111 | Nguyễn Thành Đạt    | Đại học CNKT Cơ điện tử 21      | 021146013 |
| 112 | Lý Quốc Hào         | Đại học CNKT Cơ điện tử 21      | 021146015 |
| 113 | Đoàn Hữu Hiếu       | Đại học CNKT Cơ điện tử 21      | 021146035 |

Danh sách có 23 tập thể và 113 cá nhân./.

